CTCP Lương thực thành phố Hồ Chí Minh

FireAnt

Ngày 31/03/2024	8,100 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	14.1%	**12.5%**	**-12.9%**

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	5,200 - 18,200
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	239
Số lượng CPLH (CP)	29,450,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,640
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	1.93
EPS	34
P/E	238.0

DT thuần
Q1/24
106
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 7.70| 8.2%
YoY: ▲ 17.4| 20.0%

LN trước thuế
Q1/24
0.28
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.03| 10.6%
YoY: ▼0.01| -4.7%

LN sau thuế
Q1/24
0.28
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.03| 10.6%
YoY: ▼0.01| -4.7%

ROA
2023
0.1%
+/- YoY: ▲ 0.1%

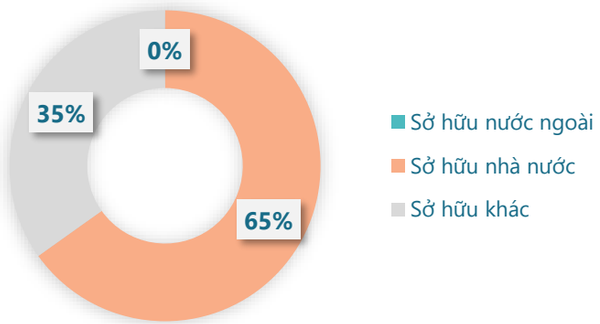
DT thuần
2023
405
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 13.0| 3.2%

LN trước thuế
2023
1.01
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 0.90| 852%

LN sau thuế
2023
1.01
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 0.90| 852%

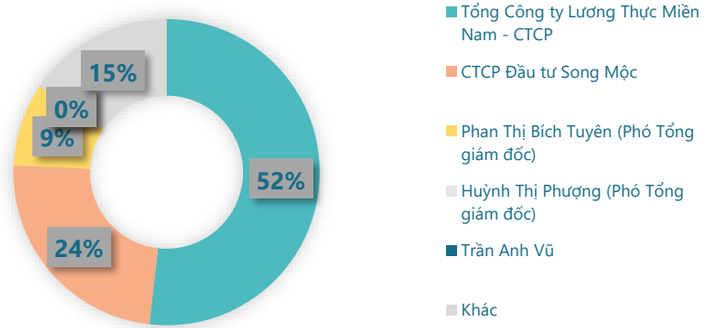
ROE
2023
1.6%
+/- YoY: ▲ 1.5%

Cơ cấu sở hữu



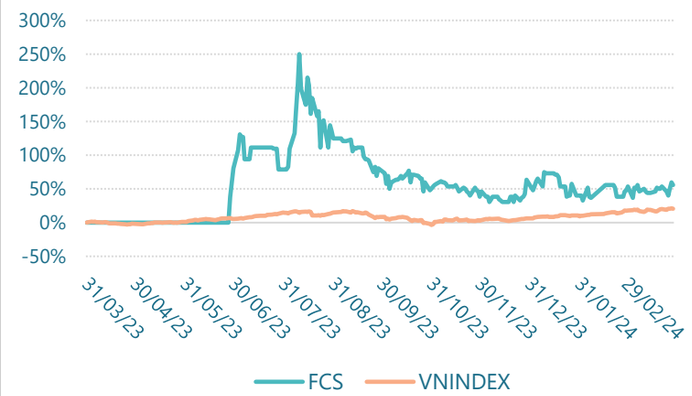
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

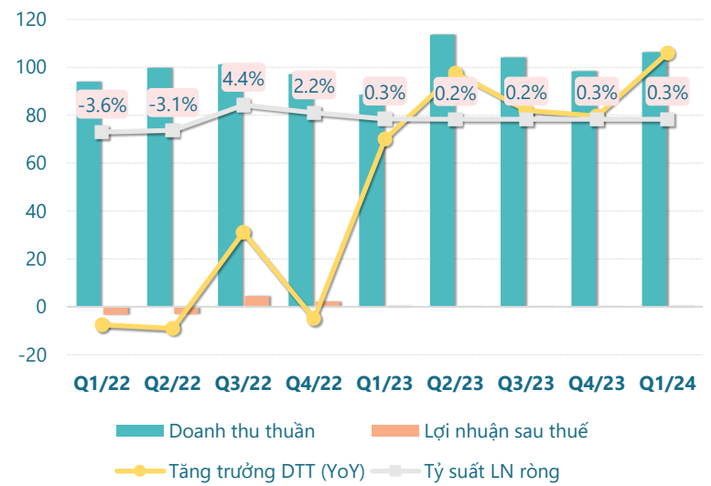
Tỷ suất lợi nhuận



CTCP Lương thực thành phố Hồ Chí Minh

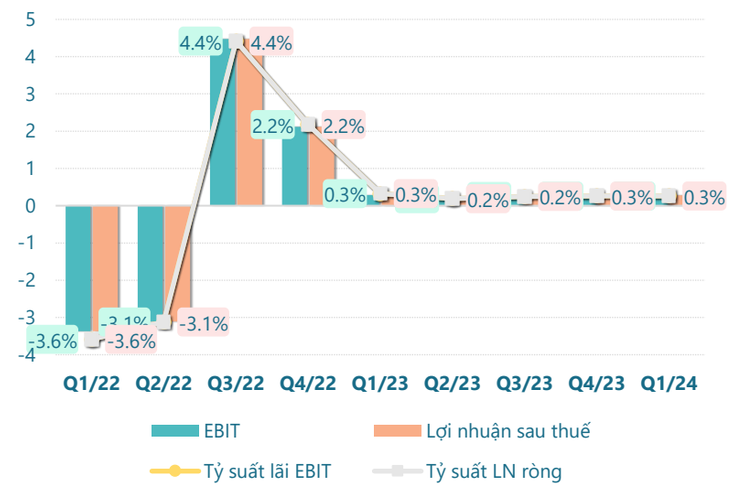
FireAnt

Kết quả kinh doanh



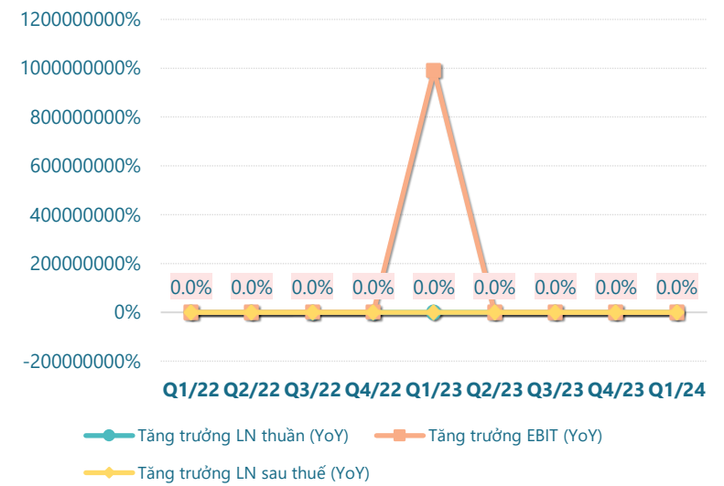
(Nguồn: fireant.vn)

EBIT - Lợi nhuận sau thuế



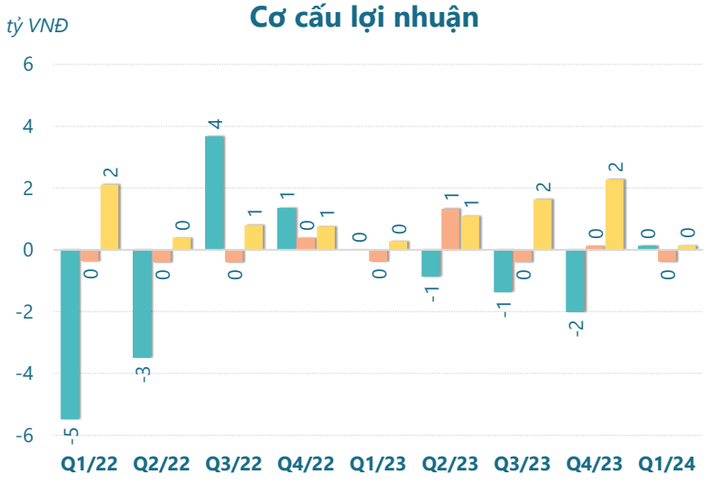
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



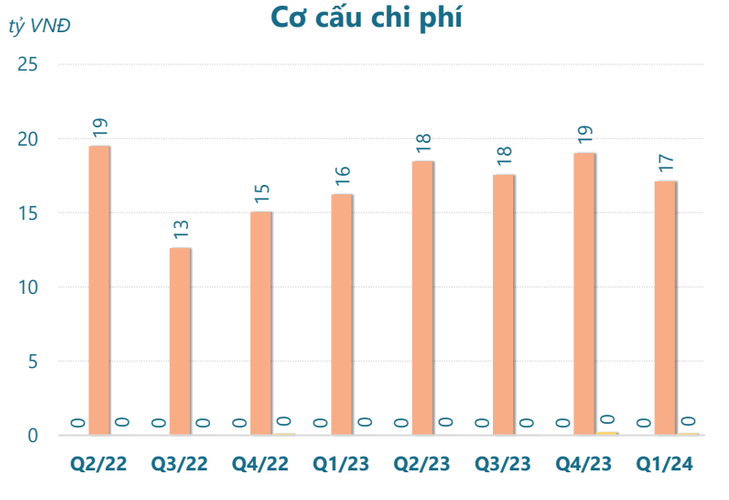
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu lợi nhuận



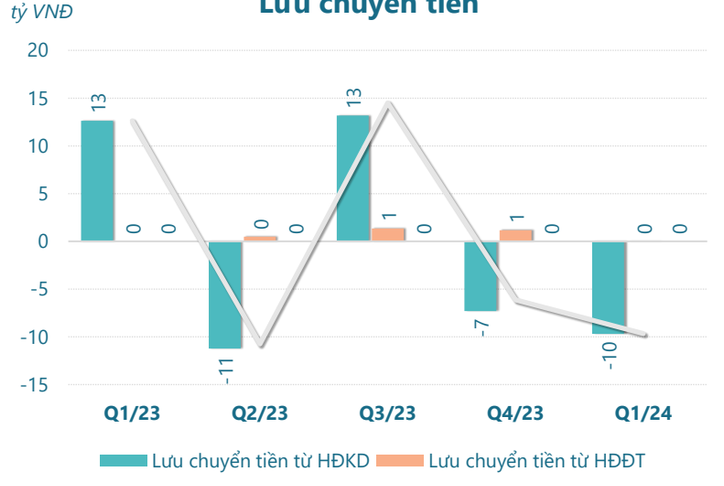
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu chi phí



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền

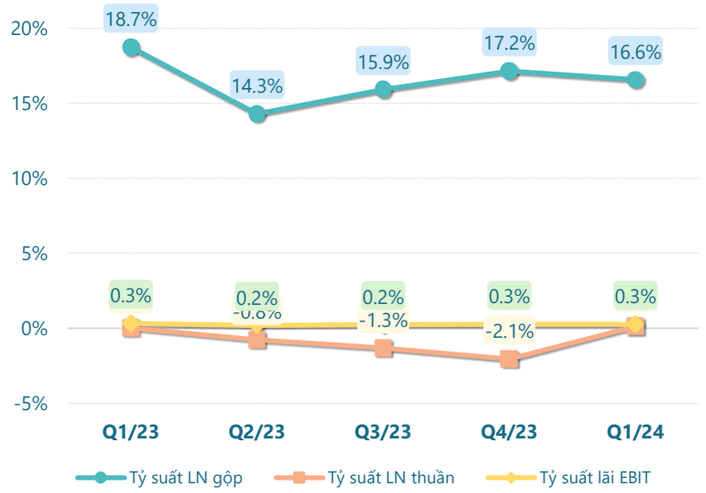


(Nguồn: fireant.vn)

CTCP Lương thực thành phố Hồ Chí Minh

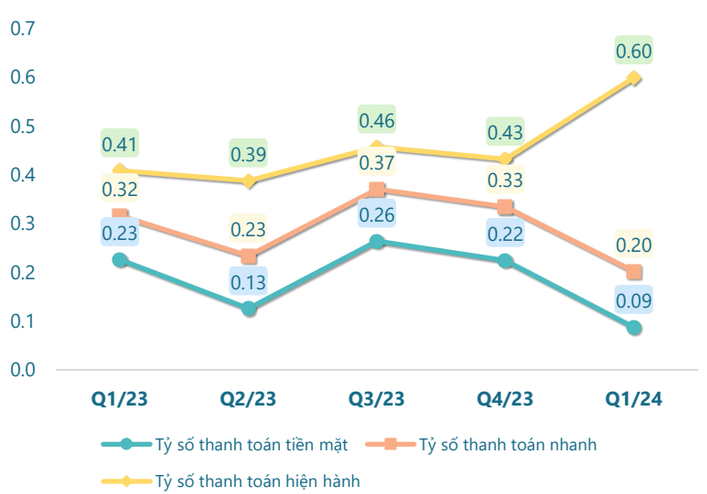
FireAnt

Tỷ suất lợi nhuận



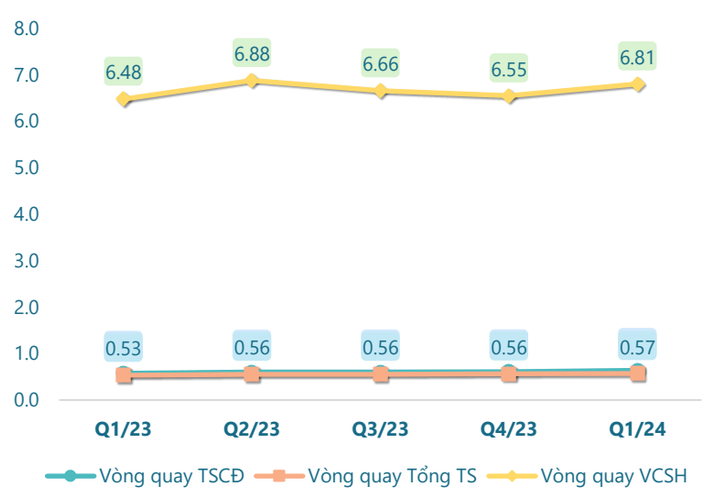
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



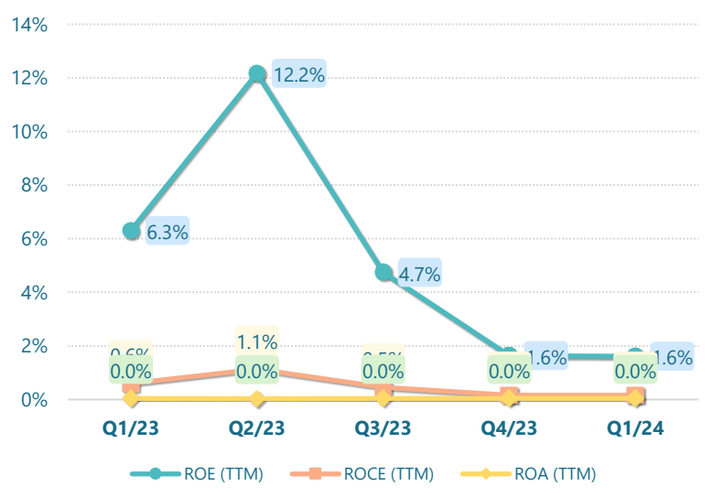
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



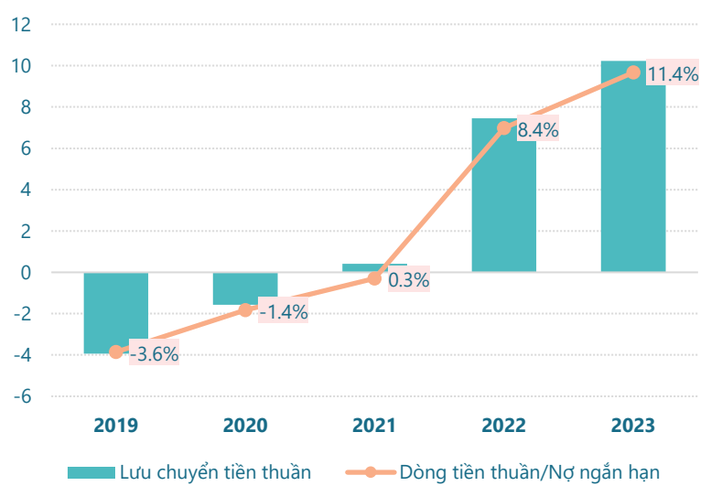
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



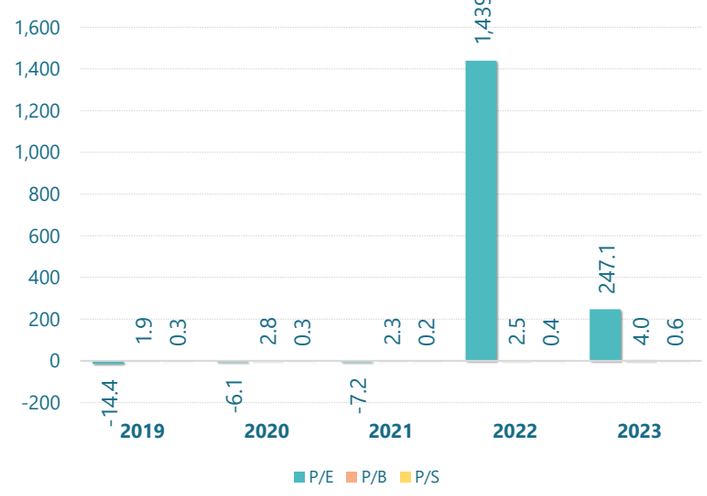
(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

Nhóm chỉ số định giá



(Nguồn: fireant.vn)